
(Đề thi có 04 trang)

Họ và tên:

Số báo danh: Mã đề 101

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 28. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Các thành phố nước ta hiện nay

- A. là các trung tâm công nghiệp lớn. B. chủ yếu là đô thị trực thuộc tỉnh.
C. tập trung ít lao động có kỹ thuật. D. có tỉ lệ thiếu việc làm ở mức cao.

Câu 2. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây gây mưa vào mùa hạ cho cả 2 miền Nam- Bắc nước ta?

- A. Hoạt động dải hội tụ nhiệt đới và tín phong bắc bán cầu.
B. Hoạt động gió tây nam vịnh Bengan và dải hội tụ nhiệt đới.
C. Hoạt động gió mùa tây nam và gió tây nam từ vịnh Ben gan.
D. Hoạt động gió mùa tây nam và dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 3. Đất feralit ở nước ta thường bị chua vì nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Quá trình phong hóa diễn ra mạnh. B. Tích tụ ôxít sắt Fe_2O_3 .
C. Mưa nhiều, rửa trôi các chất bazo. D. Tích tụ ôxít nhôm Al_2O_3 .

Câu 4. Vị trí địa lí của nước ta nằm ở khu vực

- A. Trung Á. B. Đông Nam Á. C. Đông Bắc Á. D. Tây Nam Á.

Câu 5. Tính đa dạng sinh học cao ở nước ta được thể hiện

- A. diện tích rừng lớn. B. sự phân bố sinh vật.
C. có nhiều nguồn gen quý hiếm. D. sự phát triển của sinh vật.

Câu 6. Tỉ lệ lao động trong các ngành kinh tế nước ta đang thay đổi theo hướng

- A. giảm dịch vụ, giảm nông nghiệp. B. giảm công nghiệp, giảm dịch vụ.
C. tăng công nghiệp, tăng dịch vụ. D. tăng dịch vụ, tăng nông nghiệp.

Câu 7. Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

- A. phát triển nhanh kinh tế thị trường.
B. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa.
C. tăng cường quá trình hiện đại hóa.
D. hội nhập kinh tế toàn cầu sâu rộng.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ảnh hưởng của đô thị hóa đến phát triển kinh tế - xã hội nước ta?

- A. Có khả năng tạo ra việc làm và thu nhập cho lao động.
B. Tác động mạnh tới quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
C. Ảnh hưởng rất lớn đến phát triển kinh tế của địa phương.
D. Sử dụng hạn chế những lao động có chuyên môn kỹ thuật.

Câu 9. Biện pháp nào sau đây để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp ở nước ta?

- A. Ngăn chặn nạn du canh, du cư. B. Chống xói mòn đất và ô nhiễm đất
C. Áp dụng biện pháp nông lâm ngư. D. Chống suy thoái và ô nhiễm đất.

Câu 10. Đai nhiệt đới gió mùa ở nước ta có đặc điểm là

- A. các tháng đều có nhiệt độ trên $28^{\circ}C$.
B. chỉ có 2 tháng nhiệt độ trên $25^{\circ}C$.
C. có nhiệt độ trung bình tháng dưới $25^{\circ}C$.

D. có nhiệt độ trung bình tháng trên 25°C.

Câu 11. Chất lượng nguồn lao động của nước ta ngày càng được nâng cao chủ yếu là do

A. những thành tựu trong phát triển văn hóa, giáo dục, y tế.

B. mở thêm nhiều các trung tâm đào tạo và hướng nghiệp.

C. phát triển mạnh ngành công nghiệp và dịch vụ nông thôn.

D. số lượng lao động trong các công ty liên doanh tăng lên.

Câu 12. Cơ sở nào sau đây dùng để xác định đường biên giới quốc gia trên biển của nước ta?

A. Ranh giới ngoài của lãnh hải.

B. Hệ thống các bãi triều.

C. Phía trong đường cơ sở.

D. Hệ thống đảo ven bờ.

Câu 13. Ý nghĩa về xã hội của vị trí địa lý nước ta là

A. tự nhiên phân hóa đa dạng giữa Bắc - Nam, Đông - Tây.

B. thuận lợi giao lưu với các nước trong khu vực và thế giới.

C. thuận lợi để xây dựng nền văn hóa tương đồng với khu vực.

D. nguồn tài nguyên sinh vật và khoáng sản vô cùng giàu có.

Câu 14. Nguyên nhân chủ yếu nào dẫn đến sự phân hóa thiên nhiên theo Đông - Tây ở vùng đồi núi nước ta?

A. Tác động của gió mùa với hướng của các dãy núi.

B. Tác động của con người và sự biến đổi khí hậu.

C. Độ dốc địa hình theo hướng Tây Bắc - Đông Nam.

D. Độ cao phân thành các bậc địa hình khác nhau.

Câu 15. Vĩ độ địa lí phần đất liền nước ta kéo dài từ 8⁰34'B đến 23⁰23'B nói lên đặc điểm nào sau đây?

A. Nước ta nằm ở bán cầu Đông.

B. Nước ta có nhiều thiên tai.

C. Nước ta tiếp giáp với Biển Đông.

D. Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến.

Câu 16. Biện pháp canh tác nào sau đây giúp hạn chế xói mòn đất ở vùng đồi núi nước ta?

A. Đắp đê ven sông.

B. Bón phân hữu cơ.

C. Xây hồ thủy lợi.

D. Đào hố vẩy cá.

Câu 17. Đặc điểm nổi bật của địa hình miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ nước ta là

A. các khối núi và cao nguyên; đồng bằng mở rộng; đồng bằng nhỏ hẹp ven biển.

B. gồm 4 cánh cung lớn; đồng bằng mở rộng; địa hình các xơ khá phổ biến.

C. chủ yếu là đồi núi cao; đồng bằng mở rộng; đồng bằng nhỏ và bị chia cắt.

D. chủ yếu là núi cao, địa hình ven biển đa dạng; có các cao nguyên rộng lớn.

Câu 18. Đô thị đầu tiên của Việt Nam xuất hiện vào thời gian nào ?

A. Đầu công nguyên.

B. Thế kỉ III trước Công nguyên.

C. Thế kỉ III sau Công nguyên.

D. Thế kỉ V trước Công nguyên.

Câu 19. Lao động nước ta hiện nay

A. phần lớn làm việc trong lâm nghiệp.

B. có sự thích nghi với xu thế hội nhập.

C. hầu hết có trình độ cao đẳng, đại học.

D. chủ yếu phân bố ở trung du, núi cao.

Câu 20. Đặc điểm thiên nhiên nổi bật của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nước ta là

A. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, tạo nên mùa đông lạnh nhất ở nước ta.

B. khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm.

C. địa hình có các sơn nguyên bóc mòn và các cao nguyên badan.

D. địa hình cao, các dãy núi xen kẽ thung lũng sông hướng tây bắc - đông nam.

Câu 21. Ở nước ta loài nào sau đây **không** phải thực vật ôn đới?

A. Lãnh sam.

B. Dâu tằm.

C. Thiết sam.

D. Đỗ quyên.

Câu 22. Nguyên nhân gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên nước ta vào thời kì giữa và cuối mùa hạ là do ảnh hưởng của khối khí

A. áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam.

B. áp cao cận chí tuyến bán cầu Bắc.

C. Bắc Ấn Độ Dương.

D. lạnh phương Bắc.

Câu 23. Nguyên nhân về mặt tự nhiên làm suy giảm tính đa dạng sinh học ở nước ta là

A. phát triển nông nghiệp.

B. săn bắt động vật.

C. chiến tranh tàn phá.

D. biến đổi khí hậu.

Câu 24. Nhịp điệu dòng chảy của sông ngòi nước ta theo sát

A. hướng các dãy núi.

B. chế độ nhiệt.

C. hướng các dòng sông.

D. chế độ mưa.

Câu 25. Thành phố nào sau đây ở nước ta **không** phải là thành phố trực thuộc Trung ương?

A. Hải Phòng.

B. Đà Nẵng.

C. Cần Thơ.

D. Tam Kỳ.

Câu 26. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU LAO ĐỘNG CÓ VIỆC LÀM PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ NĂM 2021

(Đơn vị: %)

STT	Trình độ chuyên môn kỹ thuật	2010	2021
1	Đã qua đào tạo	14,6	26,2
2	Chưa qua đào tạo	85,4	73,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2012, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật của nước ta giai đoạn 2020 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Cột.

B. Tròn.

C. Đường.

D. Miền.

Câu 27. Nguyên nhân chủ yếu làm cho tỉ lệ dân thành thị nước ta ngày càng tăng là

A. quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa phát triển.

B. chất lượng cuộc sống ở thành thị tốt hơn.

C. chính sách phân bố lại dân cư giữa các vùng.

D. dân nông thôn ra thành thị tìm việc làm.

Câu 28. Sự phân hóa đa dạng của tự nhiên và hình thành các vùng tự nhiên khác nhau ở nước ta chủ yếu do

A. gió mùa và dòng biển.

B. khí hậu và sông ngòi.

C. vị trí địa lí và hình thể.

D. khoáng sản và biển.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Tình trạng ô nhiễm môi trường ở nước ta đang là vấn đề cấp bách, mức độ ô nhiễm môi trường ở một số khu vực ngày càng gia tăng. chất lượng môi trường nhiều nơi đang bị suy giảm do nhiều nguyên nhân khác nhau, đáng chú ý nhất là ô nhiễm môi trường không khí và môi trường nước. ô nhiễm không khí diễn ra chủ yếu tại các thành phố lớn, đông dân, các khu vực tập trung hoạt động công nghiệp... ô nhiễm nước tập trung chủ yếu ở trung lưu và đồng bằng hạ lưu của các lưu vực sông.

a. Ô nhiễm không khí diễn ra chủ yếu tại các thành phố lớn, đông dân.

b. Khí thải từ hoạt động công nghiệp và sinh hoạt là nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm không khí.

c. Sự gia tăng nguồn nước thải từ các ngành kinh tế và nước thải sinh hoạt là những nguyên nhân trực tiếp gây ô nhiễm nguồn nước.

d. Tăng cường sử dụng nguồn năng lượng hoá thạch góp phần giảm tình trạng ô nhiễm không khí.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Áp cao Xi-bia là trung tâm áp cao nhiệt lực hình thành do lực địa á – âu rộng lớn bị mất nhiệt mạnh vào mùa đông. nhiệt độ trong mùa đông tại đây dao động từ -40°C đến -15°C , trung bình là -24°C . trị số khí áp ở trung tâm của áp cao này khoảng 1 040 mb, cực đại có thể lên đến 1 080 mb.

a. Gió mùa Đông Bắc của nước ta xuất phát từ áp cao Xi – bia.

b. Nửa sau mùa đông, gió mùa Đông Bắc làm cho thời tiết miền bắc nước ta có tính chất lạnh ,khô.

c. Gió mùa Đông Bắc tác động yếu đến miền nam do ảnh hưởng của dãy Bạch Mã.

d. Gió mùa Đông Bắc là nguyên nhân gây nên mùa khô ở Nam Bộ.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4

Câu 1. Năm 2021, dân số thành thị của nước ta là 36,6 triệu người và dân số nông thôn là 61,9 triệu người. Vậy tỉ lệ dân nông thôn của nước ta năm 2021 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %)

Câu 2. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TRONG NĂM TẠI HÀ NỘI
NĂM 2021
(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	16,9	20,9	22,5	25,6	29,7	31,6	30,8	30,5	28,7	24,6	22,5	19,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết nhiệt độ trung bình năm tại Hà Nội năm 2021 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của $^{\circ}\text{C}$)

Câu 3. Một tàu cá nằm trong vùng biển đặc quyền kinh tế của nước ta và cách đường cơ sở 152 hải lí. Vậy tàu cá đó cách đường biên giới nước ta trên biển bao nhiêu km. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của km) 1 hải lí = 1852m.

Câu 4. Theo Niên giám thống kê năm 2021 (NXB Thống kê), quy mô dân số vùng đồng bằng Sông Hồng là 22,92 triệu người; diện tích là 21253 km². Vậy mật độ dân số của vùng là bao nhiêu người/km²? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km²)

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu.

Giám thị không giải thích gì thêm

- Câu 12.** Chất lượng nguồn lao động của nước ta ngày càng được nâng cao chủ yếu là do
- số lượng lao động trong các công ty liên doanh tăng lên.
 - phát triển mạnh ngành công nghiệp và dịch vụ nông thôn.
 - những thành tựu trong phát triển văn hóa, giáo dục, y tế.
 - mở thêm nhiều các trung tâm đào tạo và hướng nghiệp.
- Câu 13.** Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế của nước ta hiện nay
- giảm tỉ lệ lao động khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
 - giảm tỉ lệ lao động khu vực kinh tế nhà nước.
 - tăng tỉ lệ lao động khu vực kinh tế ngoài nhà nước.
 - phân bố đồng đều giữa các thành phần kinh tế.
- Câu 14.** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây gây mưa vào mùa hạ cho cả 2 miền Nam- Bắc nước ta?
- Hoạt động dải hội tụ nhiệt đới và tín phong bắc bán cầu.
 - Hoạt động gió mùa tây nam và dải hội tụ nhiệt đới.
 - Hoạt động gió mùa tây nam và gió tây nam từ vịnh Ben gan.
 - Hoạt động gió tây nam vịnh Bengan và dải hội tụ nhiệt đới.
- Câu 15.** Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế của nước ta thay đổi chủ yếu do
- mở rộng sản xuất, tăng trưởng kinh tế cao.
 - kinh tế chuyển sang thị trường, hiện đại hóa.
 - thu hút đầu tư, đẩy mạnh công nghiệp hóa.
 - thúc đẩy liên kết kinh tế, hội nhập toàn cầu.
- Câu 16.** Sự phân hóa đa dạng của tự nhiên và hình thành các vùng tự nhiên khác nhau ở nước ta chủ yếu do
- gió mùa và dòng biển.
 - khóang sản và biển.
 - vị trí địa lí và hình thể.
 - khí hậu và sông ngòi.
- Câu 17.** Vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển của nước ta là vùng
- thềm lục địa.
 - tiếp giáp lãnh hải.
 - đặc quyền kinh tế.
 - lãnh hải.
- Câu 18.** Nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú là do vị trí địa lí
- giáp vùng biển rộng lớn, giàu tài nguyên.
 - nằm trên đường di lưu và di cư sinh vật.
 - nằm liền kề các vành đai sinh khoáng lớn.
 - có hoạt động của gió mùa và Tín phong.
- Câu 19.** Vị trí địa lí của nước ta nằm ở
- bán đảo Đông Dương.
 - Tây Nam Á.
 - Đông Bắc Á.
 - Trung Á.
- Câu 20.** Đô thị nào sau đây được hình thành sớm nhất ở nước ta?
- Thăng Long.
 - Hội An.
 - Cổ Loa.
 - Phú Xuân.
- Câu 21.** Đặc điểm nổi bật của địa hình miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nước ta là
- chủ yếu là đồi núi cao; đồng bằng mở rộng.
 - chủ yếu là đồi núi thấp; đồng bằng mở rộng.
 - chủ yếu là núi cao, địa hình ven biển đa dạng.
 - gồm 4 cánh cung lớn; đồng bằng mở rộng.
- Câu 22.** Ý nghĩa kinh tế của vị trí địa lý nước ta là
- nguồn tài nguyên sinh vật và khoáng sản vô cùng giàu có.
 - tự nhiên phân hóa đa dạng giữa Bắc - Nam, Đông - Tây.
 - thuận lợi giao lưu với các nước trong khu vực và thế giới.
 - thuận lợi để xây dựng nền văn hóa tương đồng với khu vực.

Câu 23. Đất feralit ở nước ta có màu đỏ vàng chủ yếu do

- A. quá trình tích tụ mùn mạnh. B. rửa trôi các chất bazo dễ tan.
C. quá trình phong hóa mạnh mẽ. D. tích tụ ôxit sắt và ôxit nhôm.

Câu 24. Đặc điểm thiên nhiên nổi bật của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ nước ta là

- A. địa hình cao, các dãy núi xen thung lũng sông có hướng tây bắc - đông nam.
B. đồi núi thấp chiếm ưu thế với các dãy núi có hướng vòng cung.
C. khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm.
D. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, tạo nên mùa đông lạnh nhất ở nước ta.

Câu 25. Sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa là do

- A. hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới. B. chế độ mưa mùa.
C. hoạt động của bão. D. sự đa dạng của hệ thống sông ngòi.

Câu 26. Lao động nước ta hiện nay

- A. làm nhiều nghề, số lượng nhỏ. B. có số lượng đông, năng động.
C. tập trung chủ yếu ở thành thị. D. có tác phong công nghiệp cao.

Câu 27. Cho bảng số liệu:

**CƠ CẤU SỬ DỤNG LAO ĐỘNG PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NƯỚC TA
NĂM 2020 VÀ 2021 (Đơn vị: %)**

Năm	2020	2021
Nông - lâm - thủy sản	33,06	29,06
Công nghiệp - xây dựng	29,84	32,1
Dịch vụ	37,1	38,84

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu sử dụng lao động phân theo khu vực kinh tế nước ta giai đoạn 2020 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột. B. Miền. C. Tròn. D. Đường.

Câu 28. Các thị trấn nước ta hiện nay

- A. chủ yếu là đô thị trực thuộc huyện.
B. là các trung tâm công nghiệp lớn.
C. có tỉ lệ thiếu việc làm ở mức cao.
D. tập trung nhiều lao động có kỹ thuật.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Áp cao Xi-bia là trung tâm áp cao nhiệt lực hình thành do lực địa Á – Âu rộng lớn bị mất nhiệt mạnh vào mùa đông. Nhiệt độ trong mùa đông tại đây dao động từ -40°C đến -15°C , trung bình là -24°C . Trị số khí áp ở trung tâm của áp cao này khoảng 1 040 mb, cực đại có thể lên đến 1 080 mb.

- a. Gió mùa Đông Bắc của nước ta xuất phát từ áp cao Xi – bia.
b. Nửa sau mùa đông, gió mùa Đông Bắc làm cho thời tiết miền bắc nước ta có tính chất lạnh ,khô.
c. Gió mùa Đông Bắc tác động yếu đến miền nam do ảnh hưởng của dãy Bạch Mã.
d. Gió mùa Đông Bắc là nguyên nhân gây nên mùa khô ở Nam Bộ.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Tình trạng ô nhiễm môi trường ở nước ta có xu hướng gia tăng, đặc biệt là môi trường nước và không khí. Ô nhiễm không khí diễn ra chủ yếu tại các thành phố lớn, đông dân; các khu vực đô thị tập trung hoạt động công nghiệp và những nơi có mật độ phương tiện giao thông lớn. Ô nhiễm nước tập trung chủ yếu ở khu vực trung lưu và đồng bằng hạ lưu của các lưu vực sông.

- a. Hoạt động giao thông vận tải là một trong các nguyên nhân chủ yếu gây ra ô nhiễm không khí.
b. Khí thải từ việc đốt nhiên liệu và hóa chất bay hơi làm ô nhiễm không khí đáng kể.

c. Nước thải sinh hoạt và nước thải từ các hoạt động kinh tế đang trực tiếp gây ra ô nhiễm nguồn nước.

d. Công nghệ tạo ra các nguồn tài nguyên và năng lượng mới đang làm môi trường xấu đi.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4

Câu 1. Năm 2022, dân số thành thị của nước ta là 37,1 triệu người và dân số nông thôn là 62,4 triệu người. Vậy tỉ lệ dân nông thôn của nước ta năm 2022 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %)

Câu 2. Theo Niên giám thống kê năm 2021 (NXB Thống kê), quy mô dân số vùng Đông Nam Bộ là 18,719 triệu người; diện tích là 23551 km². Vậy mật độ dân số của vùng là bao nhiêu người/km²? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km²)

Câu 3. Giả sử một tàu biển đang ngoài khơi, có vị trí cách đường cơ sở 35 hải lí, vậy con tàu đó cách ranh giới ngoài của vùng đặc quyền kinh tế nước ta theo đường chim bay là bao nhiêu km? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của km), 1 hải lí = 1852m.

Câu 4. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TẠI HÀ NỘI NĂM 2022

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Nhiệt độ (°C)	18,6	15,3	23,4	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội năm 2022? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của độ C).

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu.

Giám thị không giải thích gì thêm

Câu/ Mã đề	101	102	103	104	105	106	107	108
1	B	B	D	A	C	B	D	D
2	D	A	C	A	B	D	A	A
3	C	C	A	A	A	B	B	C
4	B	B	D	D	D	D	D	D
5	C	B	B	C	B	B	C	B
6	C	B	D	D	D	A	B	D
7	A	C	B	D	C	D	D	D
8	D	D	D	D	A	A	D	B
9	D	A	C	C	B	D	B	B
10	D	B	B	C	A	D	B	A
11	A	A	D	D	A	C	C	C
12	A	C	D	C	C	B	A	C
13	C	B	A	D	B	D	B	A
14	A	B	A	C	C	A	B	D
15	D	C	B	A	D	A	A	D
16	D	C	B	C	D	A	A	B
17	A	C	D	B	A	A	C	D
18	B	C	A	B	B	B	A	B
19	B	A	C	B	B	B	B	D
20	A	C	C	B	A	A	B	A
21	B	B	B	C	C	A	A	A
22	A	C	B	B	C	D	D	D
23	D	D	D	B	C	A	A	C
24	D	C	A	B	A	A	D	D
25	D	B	C	B	B	C	B	C
26	B	B	C	D	D	B	C	A
27	A	C	C	C	D	D	A	D
28	C	A	D	B	B	D	A	A
1	DDDS	DSDS	DSSD	DSSD	DDDS	DDDS	DDSS	DDDS
2	DSDS	DDDS	DDDS	DSDD	DSDS	DDSD	DSDD	DDDS
1	62,8	62,7	259	62,7	62,8	795	25,3	795
2	25,3	795	1078	25,0	25,3	62,7	1078	62,7
3	259	306	25,3	306	259	25,0	259	25,0
4	1078	25,0	62,8	795	1078	306	62,8	306

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I- 2024- 2025
MÔN: ĐỊA LÍ 12 (BỘ SÁCH KNTT)
THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

STT	Chương/chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Cấp độ tư duy												Tổng lệnh hỏi
			Phần I				Phần II				Phần III				
			NB	TH	VD	VDC	NB	TH	VD	VDC	NB	TH	VD	VDC	
1	A. Địa lí tự nhiên	A.1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ	2	2	1								1	6	
		A.2. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống.	2	1	1		2	1	1					8	
		A3. Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên	2	2	1								1	6	
		A4. Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	1	2	1		1	2	1					8	
2	B. Địa lí dân cư	B.1. Dân số, lao động và việc làm.	3	1	1								1	6	
		B.2. Đô thị hoá	3	1	1								1	6	
Tổng lệnh hỏi theo phần và cấp độ tư duy			13	9	6		3	3	2				4	40	
Tổng số câu hỏi			28				2				4				34

Lưu ý:

- Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi. Mỗi câu hỏi tại phần I và phần III là một lệnh hỏi; mỗi ý hỏi tại phần II là một lệnh hỏi.
- Phần I: Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (chỉ có một phương án đúng).
- Phần II: Câu trắc nghiệm đúng sai.
- Phần III: Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.
- Tỷ lệ cấp độ tư duy:

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Tổng
Số lệnh hỏi	16	12	8	4	40
Tỉ lệ (%)	40	30	20	10	100

**BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY
ĐỀ MINH HỌA
Môn: Địa lí**

Thành phần năng lực	Cấp độ tư duy								
	Phần I			Phần II			Phần III		
	NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD
Nhận thức khoa học Địa lí									
Tìm hiểu Địa lí									
Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học									
Tổng lệnh hỏi									

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số lệnh hỏi theo cấp độ tư duy				Tổng lệnh hỏi
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	A. Địa lí tự nhiên	A.1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.	<p>Nhận biết - Biết vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Việt Nam.</p> <p>Thông hiểu - Hiểu được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế - xã hội.</p> <p>Vận dụng Phân tích được nguyên nhân ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên nước ta.</p>	2	2	1	1	6

		<p>Vận dụng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> Tính được khoảng cách trên biển, tính tỉ lệ bản đồ, tính chiều dài đường biên giới. 					
	<p>A 2. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống.</p>	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> Trình bày được các nguồn gốc, tính chất, phạm vi hoạt động của gió mùa. Biết được biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa qua thành phần đất, sông ngòi. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> Trình bày được tác động, nguyên nhân của các loại gió hoạt động ở nước ta. Hiểu được hoạt động và tính chất của gió mùa. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> Phân tích được nguyên nhân, ảnh hưởng của gió mùa đến khí hậu của các vùng, miền nước ta. 	4	2	2		8
	<p>A.3. Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên</p>	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> Biết được biểu hiện về khí hậu, đất, sinh vật của thiên nhiên phân hóa theo độ cao. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> Trình bày được đặc điểm tự nhiên (khí hậu, địa hình, sinh vật) của hai miền: Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> Phân tích được nguyên nhân của sự phân hoá đa dạng thiên nhiên theo Đông – Tây, theo Bắc- Nam. <p>Vận dụng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> Tính và đối sánh được nhiệt độ trung bình năm, lượng mưa, lượng ẩm ở các địa phương 	2	2	1	1	6
	<p>A4. Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo</p>	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> Nêu được biểu hiện của suy giảm tài nguyên đất và sinh vật ở nước ta. Trình bày được vấn đề ô nhiễm môi trường. 	2	4	2		8

		vệ môi trường	<p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày và giải thích được sự suy giảm các loại tài nguyên thiên nhiên ở nước ta. - Trình bày biện pháp bảo vệ tài nguyên đất, sinh vật ở nước ta. - Hiểu được nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được nguyên nhân tác động đến môi trường. - Xác định được nguyên nhân và biện pháp chủ yếu bảo vệ tài nguyên đất ở nước ta. 					
2	B. Địa lí dân cư	B1. Dân số, Lao động và việc làm	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được đặc điểm nguồn lao động; phân tích được tình hình sử dụng lao động theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo thành thị và nông thôn ở nước ta. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giải thích nguyên nhân về vấn đề sử dụng lao động ở nước ta. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bảng số liệu thống kê để chọn biểu đồ thích hợp, nhận xét, giải thích về đặc điểm nguồn lao động nước ta. <p>Vận dụng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được số dân và tỉ lệ gia tăng dân số. tính cơ cấu dân số, mật độ dân số. 	3	1	1	1	6
		B 2. Đô thị hoá	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam và sự phân bố mạng lưới đô thị. <p>Thông hiểu</p> <p>Phân tích ảnh hưởng của đô thị hóa đến phát triển KT-XH ở nước ta.</p> <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được nguyên nhân hình thành đô thị hóa ở nước ta. <p>Vận dụng cao</p>	3	1	1	1	6

		- Tính được tỉ lệ, số dân nông thôn, thành thị.					
Số lệnh hỏi			16	12	8	4	40
Tổng hợp chung			40%	30%	20%	10%	100

Lưu ý: Đề thi gồm 3 phần như sau:

- Phần I: Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (chỉ có một phương án đúng).
- Phần II: Câu trắc nghiệm đúng sai.
- Phần III: Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.
- Mỗi câu hỏi tại phần I và phần III là một lệnh hỏi; mỗi ý hỏi tại phần II là một lệnh hỏi.